

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giao kế hoạch vốn năm 2016 để thực hiện Dự án:
"Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh
Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2020".**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (Sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: "Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước"; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc: "Hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước";

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2013/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về việc: "Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công";

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng công bố ngày 14/12/2004; Nghị định số 119/2006/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ về: "Tổ chức hoạt động của Kiểm lâm"; Nghị định số 09/2006/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng"; Thông tư liên tịch số 62/2005/TTLT-BTC-BNN&PTNT ngày 04/8/2005 về việc: "Hướng dẫn cụ thể lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng";

Căn cứ các Văn bản của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 24/10/2014 về việc: "Phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của kiểm lâm giai đoạn 2014 – 2020"; Quyết định số 1938/QĐ-TTg ngày 28/10/2014 về việc: "Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2014 – 2020"; Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 về: "Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020";

Căn cứ Quyết định số 5345/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc: "Ban hành Kế hoạch và hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định số 1938/QĐ-TTg ngày 28/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2014 – 2020"; Văn bản số 8264/BNN-TCLN ngày 07/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về: "Dự án: Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2014 – 2020"; Văn bản số 9538/BKHĐT-KTNN ngày 30/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc: "Thẩm định nguồn vốn và phân vốn ngân sách Trung ương đối với dự án: Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2014 – 2020";

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 4487/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 và Quyết định số 5616/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về việc: “Phê duyệt chủ trương và phê duyệt Dự án: Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 về: “Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016 của tỉnh Thanh Hóa”;

Xét đề nghị Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 547/STC-QLNS.TTK ngày 19/02/2016 về việc: Giao vốn thực hiện dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giao kế hoạch vốn năm 2016 để thực hiện Dự án: “Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2020” để các ngành các đơn vị có liên quan và Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa thực hiện; với các nội dung chính như sau:

1. Khái quát dự án:

1.1. Tên dự án: Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020.

1.2. Chủ đầu tư: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Tổng mức đầu tư: 81.620,0 triệu đồng (Tám mươi một tỷ, sáu trăm hai mươi triệu đồng).

1.3. Nguồn vốn đầu tư:

a) Nguồn ngân sách Trung ương: Từ nguồn Chương trình mục tiêu Phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 là 44.985,0 triệu đồng; để hỗ trợ mua sắm trang thiết bị và đầu tư sửa chữa các trạm nhằm phục vụ công tác PCCC rừng.

b) Nguồn ngân sách tỉnh: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán hàng năm của ngân sách tỉnh là 36.635,0 triệu đồng; để thực hiện các nội dung còn lại.

1.4. Thời gian thực hiện: Trong 05 năm (2016-2020).

* Phân kỳ thực hiện năm 2016 là: 18.403,0 triệu đồng (Mười tám tỷ, bốn trăm lẻ ba triệu đồng).

Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 10.470,0 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 7.933,0 triệu đồng.

* Năm 2016 Dự án chưa được bố trí vốn.

2. Vốn giao kế hoạch đợt này:

2.1. Tổng số: 6.934,0 triệu đồng (Sáu tỷ, chín trăm ba mươi tư triệu đồng).

2.2. Nguồn vốn: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế (Kinh phí đối ứng các dự án) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2016.

3. Tổ chức thực hiện:

3.1. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ thông báo bổ sung dự

toán năm 2016 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thanh Hóa để thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

3.2. Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thanh Hóa chịu trách nhiệm triển khai thực hiện dự án theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền; quản lý, sử dụng vốn được giao đúng nội dung, mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định; có trách nhiệm phối hợp với các ngành liên quan của tỉnh báo cáo, đầu nối làm việc với các Bộ, ngành Trung ương liên quan để được tiếp tục bổ sung vốn hoàn thành dự án.

3.3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm chủ động giải quyết các nội dung công việc có liên quan đến đơn vị; phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện của chủ dự án đảm bảo theo đúng quy định.

Điều 2. Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thanh Hóa, các ngành và đơn vị liên quan căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K'TTC Thn201631 (15).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Xứng

Biểu tổng hợp:

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN PCCCR NĂM 2016, NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH
(Kèm theo Quyết định số **6822**/QĐ-UBND ngày **26/02/2016** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hạng mục	Dự toán KH năm 2016 theo Quyết định số 5616/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	Vốn đề nghị giao năm 2016	Ghi chú
	TỔNG SỐ:	7.933	6.934	
A	CHI PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN	4.634	4.074	
I	Đầu tư tuyên truyền	666	666	
1	Đầu tư tuyên truyền ở các thôn (bản) trọng điểm cháy (1.000 thôn, bản)	99	99	Phụ biểu 01
2	Tuyên truyền theo chuyên đề (phát trên đài Phát thanh truyền hình tỉnh)	50	50	Phụ biểu 02
3	In ấn tờ rơi, tờ bướm, pa nô, áp pic...	50	50	
4	Biên tập bản tin, bài cho trang Web Chi cục Kiểm lâm	22	22	Phụ biểu 03
5	Phối hợp thực hiện công tác PCCCR	445	445	
-	Phối hợp với Tỉnh đoàn Thanh Hoá	100	100	Phụ biểu 04
-	Phối hợp với lực lượng Dân quân tự vệ	150	150	Phụ biểu 05
-	Phối hợp với lực lượng Biên phòng	93	93	Phụ biểu 06
-	Phối hợp với Cảnh sát PCCC	102	102	Phụ biểu 07
II	Đầu tư tập huấn, huấn luyện, diễn tập chữa cháy rừng	300	200	
1	Diễn tập chữa cháy rừng	300	200	
-	Cấp huyện (1 lớp)	200	100	Phụ biểu 08
-	Cấp xã (2 lớp)	100	100	Phụ biểu 09
III	Đầu tư cho các mô hình quản lý lửa	2.628	2.168	
1	Làm giảm vật liệu cháy dưới tán rừng (cân đối xây dựng khoảng 10% diện tích của 10.000 ha rừng thông)	300	300	Phụ biểu 10
2	Xây dựng mới và tu sửa đường băng trắng cân lửa tại những khu vực trọng điểm dọc biên giới 2 tỉnh Thanh Hoá - Hòa Phấn.	100	100	Phụ biểu 11
3	Hỗ trợ kinh phí tu sửa đường băng cân lửa hàng năm khu rừng trồng có nguy cơ cháy cao (tính trung bình không quá 1 triệu/km)	150	150	Điều 15 Thông tư LT 03/2012
4	Xây dựng đường ranh cân lửa được quy hoạch, gần với đường lô khoảnh để thuận lợi cho việc vận chuyển, vận xuất, kết nối với hệ thống đường dân sinh hiện có (tính trung bình không quá 30 triệu/km x 38 km)	1.600	1.140	Điều 15 Thông tư LT 03/2012
5	Điều tra, khảo sát xây dựng bộ bản đồ hiện trạng cạnh tác nương rẫy phục vụ công tác PCCCR trên địa bàn toàn tỉnh.	478	478	Phụ biểu 12
V	Đầu tư hệ thống thông tin liên lạc	708	708	
1	Phần mềm phân vùng trọng điểm cháy	708	708	Có dự toán kèm theo
VI	Đầu tư hợp tác về PCCCR giữa 2 tỉnh Thanh Hoá-Hòa Phấn (Lào)	332	332	
1	Tuyên truyền, tập huấn cho cán bộ Nông - Lâm nghiệp Sở Nông lâm Hòa Phấn	200	200	Phụ biểu 13a, b
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết hàng năm (kinh phí tổ chức hội nghị tại Việt Nam và kinh phí đi dự hội nghị tại Lào)	132	132	Phụ biểu 14a, b
B	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ CHI PHÍ KHÁC	2.950	2.860	

TT	Hạng mục	Dự toán KH năm 2016 theo Quyết định số 5616/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	Vốn đề nghị giao năm 2016	Ghi chú
1	Kinh phí hợp đồng lao động PCCC và chi trả cho người tham gia chữa cháy rừng	1.934	1.934	Phụ biểu 15
1	Trả lương, phụ cấp, công tác phí cho 24 lao động hợp đồng PCCC (tính theo hệ số lương cơ bản, tạm tính lương cơ bản là 1.150.000 đồng/tháng)	1.203	1.203	
2	Chi hợp đồng lao động thời vụ (cấp xã) 177 người (hỗ trợ 500 nghìn/người x 6 tháng).	531	531	
3	Hỗ trợ kinh phí khi huy động tham gia chữa cháy rừng (hỗ trợ cho người tham gia chữa cháy, nhiên liệu phương tiện, máy móc, thiết bị, chi trả cho người chữa cháy bị tai nạn...).	200	200	
II	Kinh phí chỉ đạo, điều hành cấp tỉnh, cấp huyện	616	616	
1	Hỗ trợ thường xuyên cho BCD tỉnh và tổ công tác thường trực (mức trung bình 500.000 đồng/người/tháng)	216	216	
2	Xăng dầu cho BCD cấp tỉnh đi kiểm tra, chỉ đạo công tác PCCC	200	200	
3	Hỗ trợ xăng dầu cho BCD huyện đi kiểm tra, chỉ đạo cơ sở	200	200	
III	Kinh phí chi thường xuyên cho cơ quan thường trực PCCC	400	310	
1	Kinh phí hỗ trợ điều tra, truy tìm, xử lý đối tượng gây cháy (rừng và đất LN)	10	10	
2	Kinh phí trực ngoài giờ làm nhiệm vụ PCCC cho lực lượng Kiểm lâm	200	200	
3	Thanh toán dịch vụ (tiền điện, xăng xe đi kiểm tra...)	100	100	
4	Chi hội nghị sơ, tổng kết	30		
5	Chi phí khác	60		
C	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	349		

Handwritten signature

Phụ biểu 01:

DỰ TOÁN TUYÊN TRUYỀN PCCC THÔN BẢN TRỌNG ĐIỂM CHÁY RỪNG(Kèm theo Quyết định số 682 /QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)**Căn cứ lập dự toán:**

- QĐ số 2894/2015/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tiêu chức các hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập tại Thanh Hóa.

- Số lượng người tham dự bình quân: 45 người/cuộc

- Thời gian: 1/2 ngày

Đơn vị: *Ngàn đồng*

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
1	Biên tập tài liệu tuyên truyền	Trang	10	20	200	
2	Phô tô cấp phát tài liệu tuyên truyền	Cuốn	40	5	200	
3	Nước uống	Người	45	10	450	
4	Chi báo cáo viên cấp xã: 2 người (Kiểm lâm 1, cán bộ UBND xã 1)	Buổi	2	200	400	
5	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu thôn bản dự họp	Người	45	30	1.350	
6	Chi khác (Điện, loa đài, hội trường, phục vụ)	Cuộc	1	400	400	
	Cộng dự toán 1 cuộc				3.000	
	Dự toán 1 năm 3.000. x 33 cuộc			33	99.000	

Phụ biểu 02:

DỰ TOÁN HỢP ĐỒNG TUYÊN TRUYỀN TRÊN ĐÀI TRUYỀN HÌNH TỈNH(Kèm theo Quyết định số **682** /QĐ-UBND ngày **26** /02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Hạng mục	DVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Ghi chú
I	Tuyên truyền PCCC và dự báo cấp cháy rừng: Thực hiện trong mùa nắng nóng, khô hanh - 9 tháng/năm; mỗi tháng 20 tin; mỗi tin 2 phút.				35.100	
1	Biên tập	Tin	180	65	11.700	
2	Kỹ thuật dựng	Tin	180	50	9.000	
3	Dạo diễn	Tin	180	40	7.200	
4	Kỹ thuật lồng tiếng	Tin	180	40	7.200	
II	Tuyên truyền hằng phóng sự chuyên đề: 6 chuyên đề/6 tháng nguy cơ cháy rừng cao				15.000	
1	Kiểm duyệt	PS	6	300	1.800	
2	Tổ chức sản xuất	PS	6	600	3.600	
3	Dạo diễn	PS	6	300	1.800	
4	Phóng viên biên tập	PS	6	300	1.800	
5	Phóng viên quay phim	PS	6	500	3.000	
6	Kỹ thuật dựng	PS	6	300	1.800	
7	Kỹ thuật phát sóng	PS	6	200	1.200	
	Cộng dự toán 1 năm:				50.100	
	Làm tròn số:				50.000	
(Theo định mức của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hóa đang áp dụng)						

Phụ biểu 03:

DỰ TOÁN TRUYỀN TRUYỀN PCCCR TRÊN WEBSITE CHI CỤC KIỂM LÂM

(Kèm theo Quyết định số **682** /QĐ-UBND ngày **26/02/2016** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

- Căn cứ Nghị định số: **18/2014/NĐ-CP** ngày **14/3/2014** của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản

- Căn cứ Thông tư liên tịch số **19/2012/TTLT-BTC-BKII&DT-BTTTT** ngày **15/2/2012** của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Nội dung	DVT	Số lượng	Đơn giá khải toán	Tiền (đ)	Ghi chú
1	Văn phòng phẩm	Tháng	12	250	2.600	
2	Tiền nhuận bút	Bài	100	100	10.000	
3	Phụ cấp Ban biên tập: 100.000đ/người/tháng x 12 tháng	Người	8	1.200	9.600	
	Cộng:				22.200	
	Làm tròn số:				22.000	

[Signature]

Phụ biểu 04:

ĐU TOÁN PHỐI HỢP VỚI TỈNH ĐOÀN

(Kèm theo Quyết định số: 68.2 /QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Thực hiện chương trình phối hợp hàng năm giữa Tỉnh Đoàn và Chi cục Kiểm lâm trong công tác tuyên truyền BVR. PCCCR: liên ngành lập dự toán hỗ trợ thực hiện hoạt động phối hợp tuyên truyền bảo vệ rừng PCCCR giữa Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Chi cục Kiểm lâm hàng năm.

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Tổng kinh phí	Phân theo đơn vị																	
			Cấp tỉnh	Mườn g Lát	Quan Hóa	Quan Sơn	Bá Thước	Lạng Chánh	Ngọc Lặc	Cẩm Thủy	Thạch Thành	Thuần g Xuân	Như Xuân	Như Thanh	Tĩnh Gia	Hà Trung	Nông Cống	Thọ Xuân	Ven Biển	Thành phố
1	Xây dựng tài liệu tuyên truyền	3.000	3.000																	
2	Tuyên truyền	25.500		1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
3	Hỗ trợ hoạt động Đội TNKK điem chi đạo, ký cam kết	25.500		1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
4	Hoạt động chi đạo, kiểm tra của cấp huyện	25.500		1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
5	Công tác kiểm tra, tổng kết, khen thưởng.	21.000	21.000																	
Tổng cộng:		100.500	24.000	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500
Làm tròn số:		100.000																		

[Signature]

Phụ biểu 05:

DỰ TOÁN PHỐI HỢP VỚI DÂN QUÂN TỰ VỆ

(Kèm theo Quyết định số: **682** /QĐ-UBND ngày **26/02/2016** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Căn cứ lập dự toán:

- Quyết định số 39/2009/QĐ-TTg ngày 09/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế phối hợp giữa lực lượng kiểm lâm và lực lượng dân quân tự vệ trong công tác bảo vệ rừng
- Luật Dân quân tự vệ số 43/2009/QH12 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2010
- Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 26/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch triển khai thi hành Luật Dân quân tự vệ

Đơn vị: *Ngìn đồng*

TT	Nội dung	DVT	Số lượng	Đơn giá khái toán	Tiền	Ghi chú
1	Hội nghị giao ban, tập huấn cấp huyện: 2 lần/năm/huyện; dự kiến 60 đại biểu/1 huyện: ở huyện 15 người; 45 người thuộc trung đội DQTV cơ động ở xã, phường, thị trấn.	hội nghị	19	7.940	150.860	
	- Giảng viên, báo cáo viên	Người	2	150	300	
	- Maket	khung	1	500	500	
	- Tài liệu:	quyển	60	10	600	
	- Nước uống	người	60	10	600	
	- Hỗ trợ tiền ăn	người	45	97	4.365	Luật DQTV
	- Hỗ trợ tiền đi, về	người	45	35	1.575	QĐ289/TTg
	Cộng tổng 1 năm:				150.860	
	Làm tròn số:				150.000	

Phụ biểu 06:

DỰ TOÁN CHI TIẾT
VỀ VIỆC PHỐI HỢP VỚI BỘ CHỈ HUY BIÊN PHÒNG TỈNH

(Kèm theo Quyết định số : 682 /QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Căn cứ lập dự toán:

- Quyết định số 2894/2015/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập tại Thanh Hóa.

- Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán và sử dụng kinh phí nhà nước cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC.

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Nội dung	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Liên ngành đi kiểm tra, đôn đốc ở các đơn vị trực thuộc thực hiện kế hoạch phối hợp, đi dự họp liên ngành....				26.500	
	Xăng xe ô tô (1 xe): Định mức 20 lít/100km x trung bình 400 km/lần x 1 lần	lần	5	1.500	7.500	
	Phụ cấp lưu trú: 5 người/lượt x 2 ngày/lượt x 5 huyện miền núi/năm x 180.000d/ người/ngày.	lần	5	1.800	9.000	
	Tiền phòng nghỉ khoán: 5 người/lần x 2 ngày/lần x 200.000 d/người/dêm x 5 lần/năm	dêm	5	2.000	10.000	
II	Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng cho cán bộ chiến sỹ biên phòng về nghiệp vụ BVR, PCCCR: 1 lớp 30 học viên x 2 ngày/lớp.				33.220	
1	Thuê Hội trường tập huấn trọn gói	Ngày	2	1.500	3.000	
2	Makét	khung	1	500	500	
3	Tài liệu	Cuốn	40	20	800	
4	Xăng dầu vận hành máy móc (máy thổi gió, máy cắt thực bì, cưa xăng...).	Khóa	1	5.000	5.000	
5	Hỗ trợ tiền đi rừng thực hành chữa cháy rừng 30 người x 180.000d/người/ngày x 2 ngày	người	30	360	10.800	
6	Báo cáo viên 2 ngày x 2 người	Buổi	4	200	800	
7	Tiền phòng nghỉ khoán tại huyện: 30 người x 2 dêm x 200.000d/người/dêm	người	30	400	12.000	
8	Nước uống 32 người x 2 ngày 10.000d/ngày	người	32	10	320	
	Mỗi năm 2 lớp				66.440	
	Tổng cộng:				66.000	
	Làm tròn số:				93.000	

Phụ biểu 07:

DỰ TOÁN CHI TIẾT VỀ VIỆC PHỐI HỢP VỚI CẢNH SÁT PCCC

(Kèm theo Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 16/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

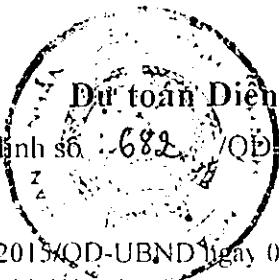
Căn cứ lập dự toán:

- Quyết định số 2894/2015/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập tại Thanh Hóa.

- Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán và sử dụng kinh phí nhà nước cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC.

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Nội dung	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Liên ngành đi kiểm tra, đôn đốc ở các đơn vị trực thuộc và các đội PCCCR chuyên ngành; đi dự họp liên ngành....				33.120	
	Xăng xe ô tô (1 xe): Định mức 20 lít/100km x trung bình 200 km/lần x 6 huyện	lần	6	960	5.760	
	Phụ cấp lưu trú: 6 người/lượt x 2 ngày/lượt x lần/ 6 huyện miền núi/năm x 180.000đồng /người/ngày.	lần	6	2.160	12.960	
	Tiền phòng nghỉ khoán: 6 người/lần x 02 đêm/lần x 200.000 đ/người/đêm x huyện	đêm	6	2.400	14.400	
II	Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCCR cho Kiểm lâm địa bàn và Công an xã: 1 lớp 40 học viên x 04 ngày/lớp.	Lớp	1	68.780	68.780	
1	Thuê Hội trường tập huấn trọn gói	Ngày	4	1.500	6.000	
	- Makét	khung	1	500	500	
	- Tài liệu	tập	40	30	1.200	
2	Xăng dầu vận hành máy móc, thiết bị chuyên dụng (xe cứu hoả, máy bơm Rabbit, máy thổi gió, máy cắt thực bì, cưa xăng), bình CO2..	Khóa	1	5.000	5.000	
3	Hỗ trợ tiền đi rừng thực hành chữa cháy rừng và điều tra, xác minh nguyên nhân gây cháy và đánh giá thiệt hại tài nguyên rừng: 40 người x 180.000đ/người/ngày x 4 ngày	người	40	720	28.800	
4	Báo cáo viên 4 ngày) buổi 2 người	Buổi	8	200	1.600	
5	Tiền phòng nghỉ khoán tại huyện: 40 người x 3 đêm x 200.000đ/người/đêm	người	40	600	24.000	
6	Nước uống 42 người x 4 ngày x 10.000đ/ngày	người	42	40	1.680	
	Tổng cộng:				101.900	
	Làm tròn số:				102.000	



Phụ biểu 08:

Dự toán Diễn tập chữa cháy rừng cấp huyện

(Kèm theo Quyết định số **682**/QĐ-UBND ngày **26/02/2016** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Căn cứ lập dự toán:

- Quyết định số 2894/2015/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập tại Thanh Hóa.

- Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán và sử dụng kinh phí nhà nước cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC

- Luật Dân quân tự vệ năm 2009:

Lực lượng tham gia trực tiếp: 400 người, lực lượng tại chỗ 250 người, xã khác 150 người

Thời gian thực hiện: 03 ngày (1 ngày hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho 100 người lực lượng nông cốt;

+ Ngày thứ nhất: Hội nghị tập huấn cho 100 người (DQTV)

+ Ngày thứ 2: Phổ biến phương án và diễn tập thử: 100 người (DQTV) + 100 người dân

+ Ngày thứ 3: Diễn tập thực binh: 100 người (DQTV) + 300 người dân

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khảo sát hiện trường (công đi rừng + xăng xe máy) x 5 người x 150.000 đồng/công.	Công	5	150	750
2	Viết phương án, kế hoạch, kịch bản, thảo luận, góp ý, trình duyệt, Vẽ sơ đồ và thuyết minh phương án diễn tập. (viết 20/trang; đọc góp ý 10/trang; vẽ sơ đồ)	Phương án	1	1.500	1.500
3	Biên tập tài liệu chuyên môn (50 trang x 20.000d/trang)	Trang	50	20	1.000
4	Chi giảng viên, báo cáo viên cấp huyện (200.000d/buổi x 3 ngày)	Buổi	6	200	1.200
5	Pha tô tài liệu + văn phòng phẩm (100 người x 15.000d)	Bộ	100	15	1.500
6	Nước uống phục vụ tập huấn, diễn tập: 700 lượt người*10.000d/người	Người	700	10	7.000
7	Xăng ô tô cho đơn vị tham gia (xe con, xe tải, xe cứu thương, bơm Ra bit, cưa xăng, máy cắt thực bì, máy thổi gió, ... Bình quân 20 xe, máy x 300.000d/xe, máy	xe	20	400	8.000
8	Thuê hội trường, loa đài, phục vụ tập huấn và phổ biến phương án	cuộc	1	2.000	2.000
9	Thuê thao trường diễn tập (5 ha x 1 triệu/ha)	cuộc	1	5.000	5.000
10	Chi nhân công phát dọn đường băng phòng cháy, đường vận động (50 công x 100.000 d/công)	công	50	100	5.000
11	Mua vật liệu cháy, dầu hoả, vận chuyển tập kết vật liệu cháy	cuộc	1	3.000	3.000
12	Chi tiền cho lực lượng Dân quân tham gia đợt diễn tập: 100 người x 92.000d/người/ngày x 3 ngày (Điều 47 Luật DQTV >= 0,08 x 1.150)	người	100	276	27.600
13	Chi tiền cho người dân tham gia đợt diễn tập: 400 người x 85.000d/người/ngày	người	400	85	34.000
14	Băng zôn (02 cái x 500.000d/cái)	Cái	2	500	1.000
15	Thuê bàn ghế, loa đài tại sở chỉ huy thao trường	cuộc	1	2.000	2.000
	Cộng:				100.550
	Làm tròn (1 cuộc):				100.000

Handwritten signature

Phụ biểu 9:
DỰ TOÁN DIỄN TẬP CHỮA CHÁY RỪNG CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số **682** /QĐ-UBND ngày **26/02/2016** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Căn cứ lập dự toán:

- Quyết định số 2894/2015/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập tại Thanh Hóa.

- Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán và sử dụng kinh phí nhà nước cho công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCC

- Luật Dân quân tự vệ năm 2009;

Lực lượng tham gia trực tiếp 230 người

Thời gian thực hiện: 02 ngày

- Tập huấn nghiệp vụ, phổ biến phương án và diễn tập thử: 1,5 ngày

- Diễn tập thực binh: 1/2 ngày

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Nội dung	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khảo sát hiện trường (4 công)	Công	5	120	600
2	Viết phương án, kịch bản, kế hoạch, thảo luận, góp ý, trình duyệt, Vẽ sơ đồ và thuyết minh phương án diễn tập	Bản	1	1000	1.000
3	Biên tập tài liệu chuyên môn (40 trang x 20/trang)	Trang	40	20	800
4	Chi giảng viên, báo cáo viên (200.000d/buổi x 2 ngày)	Buổi	4	200	800
5	Phô tô tài liệu + văn phòng phẩm (100 người x 15.000 đ)	Bản	100	15	1.500
6	Nước uống phục vụ tập huấn, diễn tập: (80 người x 2 ngày + 150 người x 1 ngày) x 10.000d/ngày	Người	310	10	3.100
7	Hỗ trợ tiền xăng ô tô cho đơn vị tham gia (xe con, xe tải, xe cứu thương, cưa xăng, máy cắt thực bì, máy thổi gió....)	Cuộc	200	25	5.000
9	Thuê hội trường, loa đài, phục vụ tập huấn và phổ biến phương án 1 ngày; bàn ghế tại sở chỉ huy thực binh	Cuộc	1	2000	2.000
10	Thuê thao trường diễn tập 3 ha	Cuộc	1	3000	3.000
11	Chi nhân công phát dọn đường băng phòng cháy, đường vận động (30 công x 100.000 đ/ ngày công)	Công	30	100	3.000
12	Mua vật liệu cháy, dầu hoả, vận chuyển, tập kết	Cuộc	1	1500	1.500
13	Chi tiền ăn cho lực lượng tham gia đợt diễn tập: (80 người x 2 ngày + 150 người x 1 ngày) x 92.000d/người/ngày (0,08x1150) Điều 47 Luật DQTV.	Người	310	84	26.040
14	Làm biển tên, biển chỉ dẫn, băng zôn (15 cái x 50.000d/cái)	Cái	15	50	750
15	Thuốc phòng và chỉ khác các loại				1.000
	Tổng 1 cuộc:				50.090
	Làm tròn (1 cuộc):				50.000
	Tổng cộng: 2 cuộc x 50.000.000 đ/cuộc				100.000

[Chữ ký]

Phụ biểu 10:

LÀM GIÁM VẬT LIỆU CHÁY KHU VỰC ĐỒNG BÀNG

(Kèm theo Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Căn cứ lập dự toán:

- Quyết định 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng.

- Tiêu chuẩn ngành số 04 TCN 89-2007 ban hành quy phạm phòng cháy, chữa cháy rừng Thông kèm theo Quyết định số 4110/QĐ/BNN - KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính (m ²)	Đơn giá (m ² /công)	Số công	Hệ số lương	Mức tiền công/ngày	Thành tiền
1	Phát dọn thực bì (cự ly đi làm bình quân 3-4 Km; nhóm thực bì nhóm 5)	10.000	93	108	2,34	122,3	13.210
3	Quản lý phí, khảo sát thiết kế (10%)						1.321
	Tổng cộng 1 ha						14.531
	Tổng dự toán 20,7 ha (làm tròn)	20,7					300.000

Phụ biểu 11:

LÀM GIÁM VẬT LIỆU CHÁY KHU VỰC BIÊN GIỚI

(Kèm theo Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Căn cứ lập dự toán:

- Quyết định 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng.

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính (m ²)	Đơn giá (m ² /công)	Số công	Hệ số lương	Mức tiền công/ngày	Thành tiền
1	Phát dọn thực bì (cự ly đi làm bình quân 4-5 Km; nhóm thực bì nhóm 6)	10.000	53	189	2,34	122,3	23.079
2	Quản lý phí, khảo sát thiết kế (10%)						2.308
	Tổng cộng 1 ha						25.387
	Tổng dự toán 3,94 ha (làm tròn)	3,94					100.000

Phụ biểu 12:

Điều tra, khảo sát xây dựng bộ bản đồ hiện trạng canh tác nương rẫy phục vụ công tác PCCC trên địa bàn toàn tỉnh

(Áp dụng theo Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007)

(Kèm theo Quyết định số : 682 /QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung công việc	Khối lượng	Đơn vị tính	Định mức (C)	Tổng số (C)	Hệ số lương	Thành tiền	Ghi chú
	Điều tra hiện trạng tài nguyên rừng							
	(Quy mô 100.000 ha)							
a	Chuẩn bị				237,3	40,93	42.585	
	Thu thập tài liệu, bản đồ có liên quan	1	CT	15	15	3,33	2.611	
	Xây dựng đề cương kỹ thuật và dự toán	1	CT	8,8	8,8	5,42	2.493	
	Hội nghị thông qua đề cương, dự toán	1	CT	20	20	5,42	5.666	
	Chỉnh sửa đề cương, dự toán	1	CT	3,5	3,5	5,42	992	
	Thiết kế kỹ thuật	1	CT	10	10	5,42	2.833	
	Can vẽ bản đồ ngoại nghiệp	100.000	Ha	0.00125	125	2,41	15.747	
	Tập huấn thống nhất biện pháp kỹ thuật	10	C/ng/năm	5	50	3	7.841	
	Chuyển các loại ranh giới lên BD địa hình	100.000	Ha	0.00005	5	5,42	1.417	
	Định giới ranh giới các loại đất, loại rừng	100.000	Ha	0.00005	5	5,42	1.417	
	Chuẩn bị dụng cụ kỹ thuật, đời sống	1	CT	10	10	3,00	1.568	
b	Ngoại nghiệp				687,68		126.906	
	Sơ thám	2	Xã	20	40	4,65	9.723	
	Di chuyển quân trong nội bộ	20	Km	0,2	4	3,99	834	
	Làm lán trại	100.000	Ha	0.001	100	2,67	13.957	
	Đo đạc đường tiểu khu bằng địa bàn cầm tay	100	Km	2	200	3,66	38.264	
	Làm và chôn mốc, bảng	100	M	0,3	30	2,43	3.811	
	Khoanh vẽ bổ sung hiện trạng rừng	10.000	Ha	0,02	200	3	31.364	
	Hoàn chỉnh số liệu, bản đồ ngoại nghiệp	10.000	Ha	0,005	50	5,42	14.166	
	Kiểm tra ngoại nghiệp	624	Công	7%	43,68	4,65	10.617	
	Chuyển quân và rút quân ngoại nghiệp	10	C/ng/ct	2	20	3,99	4.171	
c	Nội nghiệp				1169,7		221.850	
	Tính diện tích	100.000	Ha	0,001	100	2,41	12.598	
	Nhập số liệu vào máy tính	20	B	0,05	1	3,99	209	
	Tính toán thống kê các loại biểu	20	B	0,1	2	3,66	383	
	Xây dựng BD gốc	10.000	Ha	0,007	70	2,59	9.477	
	Số hóa bản đồ (tỷ lệ 1/50.000)	6	M	126	756	3,63	143.451	
	Phân tích số liệu phục vụ viết báo cáo	1	CT	22	22	4,65	5.348	
	Viết báo cáo thuyết minh	1	BC	40	40	4,65	9.723	
	Kiểm tra nội nghiệp	991	Công	15%	148,65	4,32	33.568	
	Thông qua báo cáo kết quả điều tra	1	CT	22	22	4,98	5.727	
	In ấn, giao thành quả	1	CT	8	8	3,27	1.367	
II	Phục vụ (1/15 công: Ngoại + Nội nghiệp)	1857,3	Công		123,82	4,03	26.084	
III	Quan lý (12%)	2233,5	Công	12%	268,01	4,32	60.522	
	Tổng cộng:				2.501,50		477.946	
	Dự toán kinh phí công trình:						478.000	

Ghi chú: Chủ đầu tư chủ động lựa chọn đơn vị có đủ năng lực và tư cách pháp nhân thực hiện nội dung công việc trên.

Phụ biểu 13a:

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, tuyên truyền về PCCCR cho Sở Nông lâm Hủa Phăn tại Lào

(Kèm theo Quyết định số : **682** /QĐ-UBND ngày **26/02/2016** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Căn cứ lập dự toán:

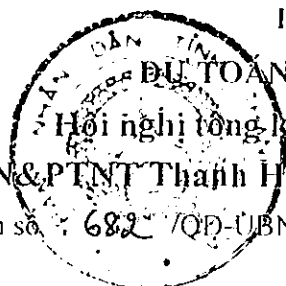
- Thông tư 91/2005/TT-BTC ngày 18/10/2005 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do NSNN đảm bảo kinh phí;
- Thông tư 102/2012/TT-BTC ngày 21/06/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do NSNN đảm bảo kinh phí;
- Tổng thời gian 7 ngày: 2 ngày đi, về; 4 ngày tập huấn; 1 ngày tham quan học tập.
- Đoàn công tác 9 người (đã bao gồm 1 phiên dịch, 1 lái xe)
- Học viên tham dự: 80 người

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Hạng mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Biên tập tài liệu tiếng Việt	Trang	60	30	1.800	TT 139/2010
2	Phô tô, đóng quyển tài liệu tiếng Việt	Quyển	10	30	300	
3	Biên dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng Lào	Trang	100	150	15.000	
4	Phô tô, đóng quyển tài liệu tiếng Lào	Quyển	80	40	3.200	
5	Chi tiền giáo viên 4 ngày	Buổi	8	400	3.200	
6	Thuê người dịch duỗi phục vụ tập huấn (7h/ngày x 5 ngày)	Ngày	5	3.000	15.000	
7	Thuê người dịch nói thông thường phục vụ đợt công tác 6/ngày	Ngày	6	1.200	7.200	
8	Hợp đồng thuê xe ô tô đưa đón đoàn đi công tác	Ngày	7	7.000	49.000	
9	Tiền thuê phòng nghỉ khoán tại Lào (9 người x 40USD/ người/ngày x 7 ngày)	Người	9	5.964	53.676	
10	Tiền ăn khoán cho người đi công tác tại Lào (9 người x 39 USD x 7 ngày)	Người	9	5.815	52.335	
	Tổng cộng:				200.711	
	Làm tròn số:				200.000	

[Signature]

Phụ biểu 13b:



ĐỊ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ

Hội nghị tổng kết công tác BVR, PCCCR

Giữa Sở NN&PTNT Thanh Hoá - Sở Nông lâm Hủa Phần Lào, tại Lào

(Kèm theo Quyết định số **682** /QP-UBND ngày **26/02/2016** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Căn cứ lập dự toán

- Thông tư 102/2012/TT-BTC ngày 21/06/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do NSNN đảm bảo kinh phí;
- Thời gian hội nghị: 04 ngày, 02 ngày đi về, 01 ngày dự hội nghị, 01 ngày chuẩn bị.
- Hội nghị gồm: 16 người

DVT: Nghìn đồng

STT	Hạng mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	Biên dịch báo cáo của Sở NN&PTNT Thanh Hoá sang tiếng Lào	Trang	5	150	750	
2	Thuê người dịch duỗi tại hội nghị	Ngày	1	3.000	3.000	
3	Thuê người dịch nói thông thường phục vụ đợt công tác 8 h/ngày x 3 ngày	Giờ	24	150	3.600	
4	Thuê xe ô tô đưa đón đoàn đi công tác	Ngày	4	7.000	28.000	
5	Thuê phòng nghỉ khoán tại Lào (16 người x 40 USD/ người /ngày x 3 đêm)	Người	16	2.640	42.240	
6	Tiền ăn khoán cho người đi công tác tại Lào (16 người x 39 USD/người/ngày x 4 ngày)	Người	16	3.432	54.912	
	Cộng:				132.502	
	Làm tròn số:				132.000	

Phụ biểu 14a:

ĐU TOÁN KINH PHÍ

**Tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ cho cán bộ Nông - Lâm nghiệp Sở Nông lâm Hòa
Phần theo chương trình phối hợp giữa Sở NN&PTNT Thanh Hoá - Sở Nông lâm
Hòa Phố tại Lào, tại tỉnh Thanh Hóa.**

(Kèm theo Quyết định số : **682** /QĐ-UBND ngày **26/02/2016** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Căn cứ lập dự toán

- Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính Quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.
- Thông tư 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.
- Tổng thời gian 5 ngày, học viên tham dự 20 người.

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Hạng mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Biên tập tài liệu tập huấn tiếng Việt.	Trang	100	45	4.500	
2	Phô tô, đóng quyển tài liệu tiếng Việt (100T).	Quyển	5	60	300	
3	Biên dịch tài liệu từ tiếng Việt sang tiếng Lào.	Trang	100	150	15.000	
4	Phô tô, đóng quyển tài liệu tiếng Lào.	Quyển	22	60	1.320	
5	Mua Pin sử dụng GPS thực hành.	Đôi	66	15	990	
6	In bản đồ phục vụ đi thực hành.	Tờ	13	60	780	
7	Chi tiền giáo viên 5 ngày 2 người.	Ngày	10	1.000	10.000	
8	Thuê người dịch duỗi phục vụ tập huấn 5 ngày.	Ngày	5	3.200	16.000	
9	Tiền phòng nghỉ cho học viên 1 người/phòng x20 người x 7 đêm.	Phòng	140	600	84.000	
10	Tiền ăn học viên 22 người x 5 ngày (20 học viên, 1 lái xe, 1 cán bộ Chỉ cục)	Người	110	400	44.000	
11	Văn phòng phẩm (1 quyển sổ, 1 bút, 1 cặp đựng tài liệu cấp cho học viên Lào).	Học viên	20	70	1.400	
12	Thuê xe đưa học viên đi hiện trường tham quan học tập	Ngày	1	4.000	4.000	
13	Thuê hội trường phục vụ tập huấn (trọn gói).	Khóa			18.100	
-	Thuê hội tập huấn	Ngày	4	1.500	6.000	
-	Ma két	Bộ	1	2.000	2.000	
-	Loa, đài	Bộ	4	200	800	
-	Người phục vụ hội nghị	Ngày	4	200	800	
-	Hoa tươi (1 lẵng x4 ngày)	Lẵng	4	200	800	
-	Nước giải khát, hoa quả, bánh giữa giờ phục vụ hội nghị	Người	110	70	7.700	
	Tổng cộng:				200.390	
	Làm tròn số:				200.000	

[Signature]

Phụ biểu 14 b:

DU TOÁN KINH PHÍ
Hội nghị kết công tác BVR, PCCCR hàng năm giữa

Sở NN&PTNT Thanh Hóa - Sở Nông lâm Hủa Phăn Lào, tại tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: **682** /QĐ-UBND ngày **26/02/2016** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Căn cứ lập dự toán

- Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính Quy định chế độ chi tiêu dân tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

- Thời gian hội nghị: 2,5 ngày, 01 ngày hội nghị, 01 ngày tham quan học tập, 0,5 ngày chuẩn bị.

- Hội nghị gồm: 101 người; Thanh Hóa 66 người; Đại biểu Lào 24 người.

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Hạng mục chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Biên dịch báo cáo tổng kết của Sở Nông Lâm Hủa Phăn sang tiếng Việt Nam.	Trang	10	150	1.500	
2	Biên dịch báo cáo tổng kết sang tiếng Lào.	Trang	10	150	1.500	
3	Biên dịch dự thảo chương trình phối hợp giai	Trang	6	150	900	
4	Biên dịch biên bản hội nghị, giấy mời hội nghị	Trang	6	150	900	
5	Phô tô, đóng cuốn tài liệu phục vụ hội nghị (10T)	Cuốn	90	20	1.800	
6	Thuê người dịch đũa phục vụ hội nghị.	Ngày	2,5	3.000	7.500	
7	Tiền phòng nghỉ cho Trưởng đoàn: 01 người x 3 đêm.	Phòng	3	1.500	4.500	
8	Tiền phòng nghỉ cho đại biểu: 25 phòng x 3 đêm.	Phòng	75	600	45.000	
9	Tiền ăn cho đại biểu Lào: 27 người x 2,5 ngày (24 đại biểu 01 CB Việt Nam và 02 lái xe)	Người	67,5	400	27.000	
10	Văn phòng phẩm phục vụ hội nghị: mua và cấp cho 66 đại biểu Việt Nam và 24 đại biểu tỉnh Hủa Phăn 1 quyển sổ, 1 bút, 1 cặp dụng tài liệu.	Bộ	90	70	6.300	
11	Chi tặng phẩm cho các đại biểu chính thức.	Gói	26	300	7.800	
12	Chi thuê đoàn biểu diễn nghệ thuật dân tộc	Cuộc	1	10.000	10.000	
13	Thuê hội trường phục vụ hội nghị gồm các dịch vụ	Cuộc			17.300	
-	Thuê hội trường lớn	Ngày	1	4.000	4.000	
-	Ma kết 2 thứ tiếng (Lào + Việt Nam)	Bộ	1	2.000	2.000	
-	Ma kết chỉ dẫn các đoàn đại biểu (tiếng Việt + Tiếng Lào)	Cái	20	200	4.000	
-	Người phục vụ hội nghị	Ngày	1	200	200	
-	Hoa tươi	Lẵng	1	800	800	
-	Nước giải khát, hoa quả, bánh giữa giờ phục vụ hội nghị	Người	90	70	6.300	
	Cộng:				132.000	

(Chữ ký)

Phụ biểu 15:
Dự toán lương của lao động hợp đồng PCCCR chuyên trách cấp tỉnh hàng năm
 (Kèm theo Quyết định số **682** /QĐ-UBND ngày **26/02/2016** của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Nghìn đồng

Số TT	Họ và tên	Nghạch bậc	Lương hệ số		Công hệ số	Số lượng	Lương và các khoản đóng góp				Khoản công tác phí	Thành tiền
			Hệ số 2	Khu vực			Thành tiền	23% (18% BHXH, 3% BHYT, 1% BHTN, 1 % KP CD)	Phụ cấp thu hút 1150	Cộng		
1	2	3	4	5	6=4+5	7	8=6x1.150	9=4x1.150x24%	10=4x1150x9	11=(7+8)x12+9	12= 270 x số tháng	13=10+11
I	Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR số 1											400.470
1	Tổng 8 người	CBPC	2.67		2.67	8	3.071	706	10.747	131.602	3.240	134.842
2	Tổng 8 người	CBPC	2.67		2.67	8	3.231	743	11.307	265.628		265.628
II	Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR số 2											802.904
1	Tổng 16 người	CBPC	2.67	0.10	2.77	16	3.186	706	12.896	261.966	3.240	265.206
2	Tổng 16 người	CBPC	2.67	0.10	2.77	16	3.352	743	13.569	537.698		537.698
	Tổng cộng I + II											1.203.374

Ghi chú: Đã dự kiến cả tăng lương theo hệ số lương mới là 1.210 từ tháng 5/2016.

